

Số: 376/QĐ-UBND

Hoài Nhơn, ngày 28 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Công nhận xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2018

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI NHƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Theo hồ sơ đánh giá, biên bản họp Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật ngày 28 tháng 01 năm 2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 16 xã, thị trấn trên địa bàn huyện Hoài Nhơn (có Danh sách kèm theo) đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2018.

Điều 2. Giao Văn phòng HĐND và UBND huyện công bố danh sách các xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, danh sách xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2018 lên Cổng thông tin điện tử của huyện theo quy định tại Khoản 2, Điều 8 Quyết định 619/QĐ-TTg.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng Phòng Tư pháp, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *u.kh*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tư pháp;
- TT Huyện ủy (b/c);
- TT. HĐND huyện (b/c);
- CT, PCT UBND huyện;
- Lưu: VT *u*





ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀI NHƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
CÁC XÃ, THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số 376/QĐ-UBND ngày 28/01/2019
của Chủ tịch UBND huyện Hoài Nhơn)

STT	Tên xã, phường, thị trấn	Tổng điểm	Điểm của từng tiêu chí					Kết quả đánh giá sự hài lòng (%)
			Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	Loại I							
1	Hoài Mỹ	95	11,75	30	24,5	8,27	20	100%
2	Hoài Thanh	94	14,5	30	21,75	8,07	20	100%
3	Bồng Sơn	94	11,75	30	22,25	9,8	20	100%
4	Hoài Đức	94	15	30	19,75	8,94	20	100%
5	Hoài Tân	93	15	29,75	19,25	8,71	20	100%
6	Tam Quan Bắc	92	11,75	29,46	21,75	9,06	19,5	97,64%
7	Hoài Hương	91	11,25	28	22,25	9,25	20	100%
8	Tam Quan Nam	91	11,75	29,5	20,25	9	20	100%
9	Hoài Sơn	90	11,25	29	20,75	9,37	20	100%
10	Hoài Hảo	90	11,75	30	19,75	8,77	20	100%
II	Loại II							
11	Hoài Xuân	97	15	30	22,25	9,33	20	100%
12	Hoài Châu	93	15	29,75	19,75	8,92	20	100%
13	Hoài Phú	92	14,5	29	19,75	8,66	20	100%
14	Hoài Châu Bắc	89	11,25	29	19,25	9,66	20	100%
15	Hoài Hải	88	11,75	29,75	22,25	8,83	15	100%
16	Tam Quan	88	11,75	29	19,25	7,5	20	100%